

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 206/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26/8/2022

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Tư.

2/ Bà Trần Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Quốc Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C1, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công Em - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 284/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1986 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp H1, xã H2, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị Hồng H: Bà Nguyễn Thị A - Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Thị A, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt);

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C1, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng H trình bày:

Tôi và anh Squen biết nhau, kết hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C1, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 185/2010 ngày 22/12/2010. Sau khi kết hôn tôi và anh S đi làm ở Vĩnh Long khoảng 04 năm thì chuyển về sinh sống tại xã H2, huyện C, tỉnh Bến Tre, thời gian này anh S hay về thăm tôi khoảng nửa tháng một lần. Sau đó khoảng năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tôi phát hiện anh S thường xuyên liên hệ, nhắn tin qua lại với người phụ nữ khác, từ đó tôi và anh S thường xuyên cự cãi với nhau do bất đồng quan điểm. Sau đó anh S không về thăm tôi và các con nữa mà chỉ liên lạc với các con qua điện thoại. Tôi và anh S cũng không còn liên lạc với nhau hơn một năm nay. Chúng tôi cũng ly thân từ năm 2019 đến nay. Gia đình hai bên có tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả. Nay do tình cảm không còn nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh Sang.

Về con chung: Tôi và anh S có 02 con chung là Nguyễn Hồng P, sinh ngày 02/01/2015 và Nguyễn Hồng N, sinh ngày 06/5/2019. Do từ trước đến nay hai con chung do tôi trực tiếp nuôi dưỡng nên khi ly hôn tôi yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Thanh S trình bày:

Về thời gian kết hôn, con chung tôi thống nhất với lời trình bày của chị H. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống ở Vĩnh Long khoảng 03 năm rồi về quê tôi tại xã T, huyện C1 sống chung gia đình tôi một thời gian ngắn, sau đó vợ chồng tôi về Bến Tre sinh sống, tôi đi làm ở Tiền Giang hàng tuần về thăm vợ con. Khoảng tháng 06, tháng 07/2021 xảy ra dịch bệnh Covid tôi không còn thường xuyên về Bến Tre thăm vợ con được và vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H quen với người đàn ông khác. Từ lúc chị H về Bến Tre sinh sống đến nay hai con sống chung chị H, hàng tuần tôi về thăm con. Mỗi tháng tôi gửi khoảng 4.000.000 đồng để lo cho các con chung. Vợ chồng tôi ly thân từ khoảng tháng 6/2021 đến nay. Nay chị H yêu cầu ly hôn nên tôi cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 người con chung là Nguyễn Hồng P, sinh ngày 02/01/2015 và Nguyễn Hồng N, sinh ngày 06/5/2019, khi ly hôn tôi yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Hiện nay tôi làm kế toán, thu nhập 15.000.000đồng/tháng nên đủ khả năng lo cho các con. Tôi không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, anh S đồng ý ly hôn với chị H nhưng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Cháu Nguyễn Hồng P, sinh ngày 02/01/2015 và cháu Nguyễn Hồng N, sinh ngày 06/5/2019 từ trước đến nay sinh sống chung chị H và từ lúc anh Sang, chị H ly thân đến nay hai con chung do chị H nuôi dưỡng. Chị H có thu nhập ổn định và đủ điều kiện nuôi con. Cháu Hồng Phúc cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung chị H nên đề nghị Hội đồng xét xử giao hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C1, tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng H. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh Sang; Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Hồng P, sinh ngày 02/01/2015 và cháu Nguyễn Hồng N, sinh ngày 06/5/2019 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị H chưa có yêu cầu. Anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục các cháu Nguyễn Hồng P và Nguyễn Hồng N, không bị ai cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, theo đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thị Hồng H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Thanh S có nơi cư trú tại xã T, huyện C1, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Nguyễn Thanh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C1, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 185/2010 ngày 22/12/2010 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị H và anh Strình bày mâu thuẫn giữa anh chị bắt đầu phát sinh từ khoảng tháng 06 - 07/2019 do giãn cách xã hội anh S không thường xuyên về thăm chị H và hai con như trước nên vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi nhau và nhiều bất đồng trong cuộc sống. Chị H yêu cầu ly hôn, anh S cũng thống nhất ly hôn với chị H cho thấy mâu thuẫn gia đình anh chị là trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn, cho chị H và anh S ly hôn theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị H và anh S có hai người con chung là cháu Nguyễn Hồng P, sinh ngày 02/01/2015 và cháu Nguyễn Hồng N, sinh ngày 06/5/2019. Khi ly hôn, chị H và anh S đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, về điều kiện nuôi con: Anh S hiện làm việc tại Công ty TNHH Thiết bị điện Tiến Phát với mức lương xác nhận của công ty là 15.000.000 đồng/tháng (bút lục 80). Chị H thì kinh doanh tiệm tạp hóa, cà phê, ngoài ra còn thu nhập từ việc làm vườn sầu riêng do cha mẹ cho (bút lục 72, 73 và 74). Về điều kiện nuôi con xét thấy cả chị H và anh S hiện nay đều có việc làm với mức thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng hai con chung và anh Sang, chị H đều sống chung cha mẹ. Tuy nhiên, xét thấy từ khi chị H chuyển về sinh sống tại tỉnh Bến Tre đến nay, cháu Hồng Phúc và cháu Hồng Ngọc sinh sống cùng chị H do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, cuối tuần anh S về thăm và chăm sóc con chung. Cháu Nguyễn Hồng P hiện đang đi học tại trường tiểu học gần nhà. Ngoài ra tại bản tự khai ngày 15/7/2022 cháu Nguyễn Hồng P cũng có nguyện vọng mong muốn được tiếp tục sống chung với chị H. Do đó để đảm bảo môi trường sống và học tập ổn định của hai con chung cần tiếp tục giao cháu Hồng Phúc và cháu Hồng Ngọc cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C1, tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng H.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng H được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hồng P, sinh ngày 02/01/2015 và cháu Nguyễn Hồng N, sinh ngày 06/5/2019 cho chị Nguyễn Thị Hồng H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Nguyễn Thanh S chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H chưa yêu cầu.

Anh Nguyễn Thanh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 0016166 ngày 09/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C1, tỉnh Tiền Giang nên chị H đã thi hành xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Hồng H, anh Nguyễn Thanh S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C1;
- Chi cục THADS huyện C1;
- UBND xã T, huyện C1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Giang